

CTCP Tổng Công ty Công trình Đường sắt (UPCOM: RCC)

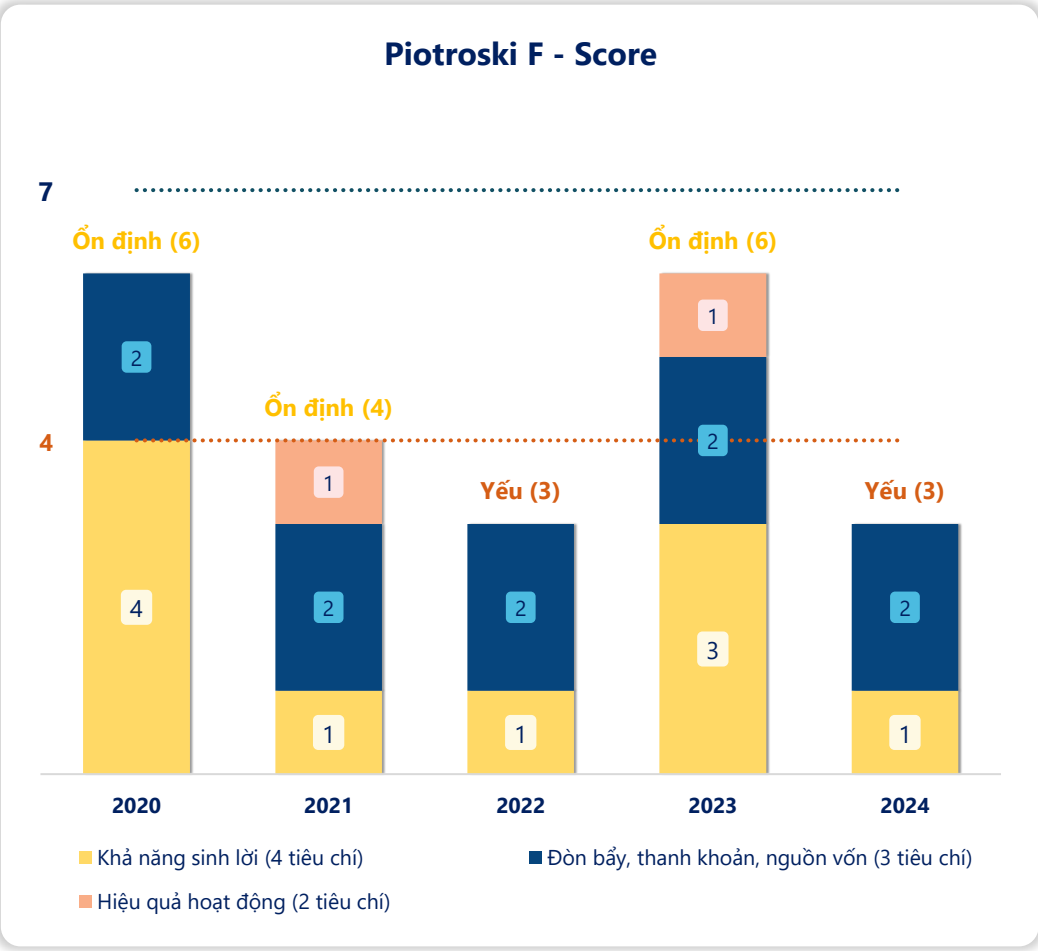
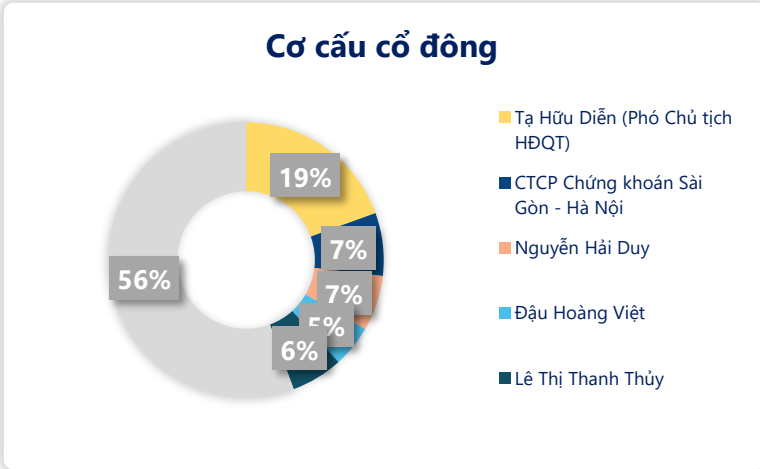
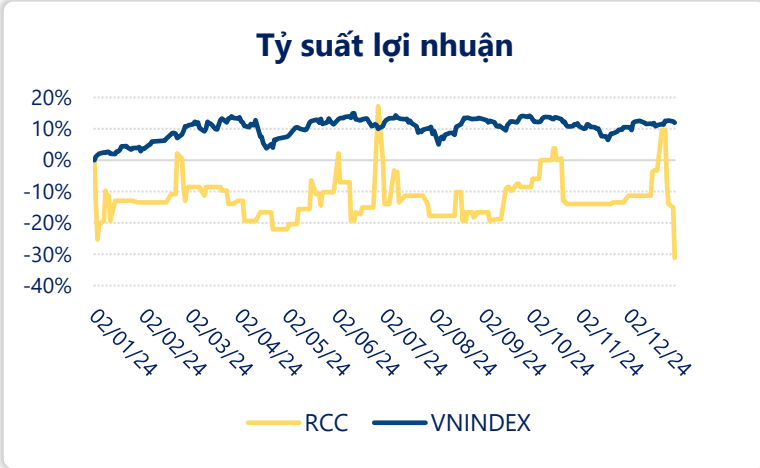
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	12,800 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-22.4%	-26.9%	-28.9%

Sức mạnh tài chính	2024
Piotroski F - Score	3/9
2024	(Yếu)

DT thuần	2024
777	YoY
tỷ VNĐ	▼ 63.0
	▼ 7.5%

LN sau thuế	2024
3.75	YoY
tỷ VNĐ	▼ 26.4
	▼ 87.5%

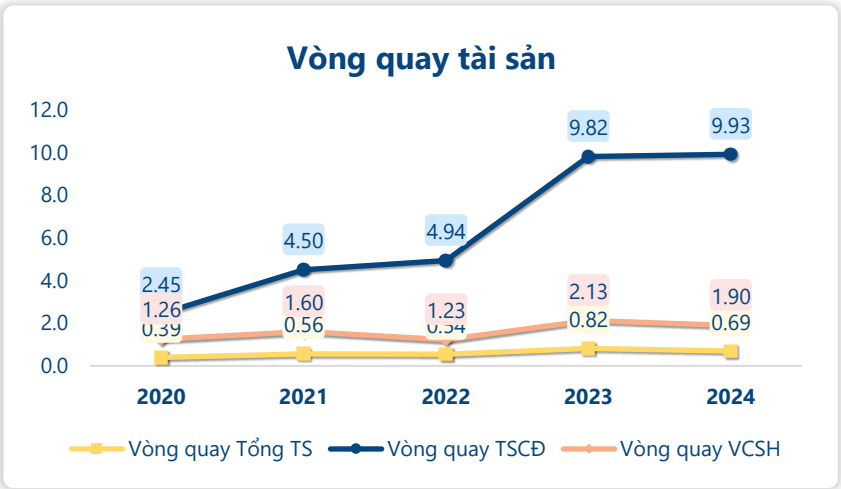
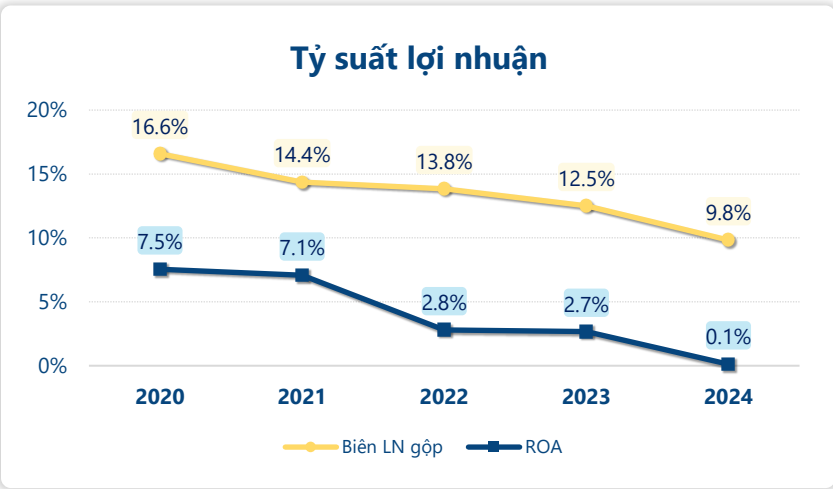
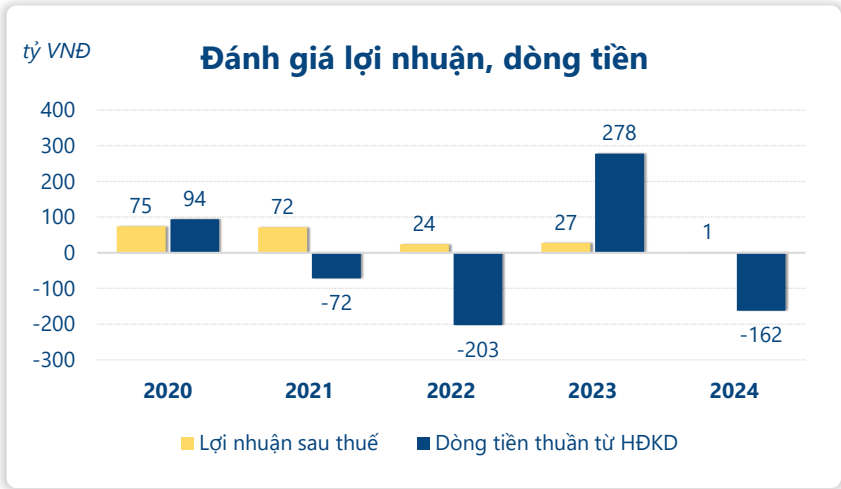


Năm 2024, F-Score của **RCC** đạt **3/9** thấp hơn năm trước cho thấy dấu hiệu báo động về sức khỏe tài chính đang giảm xuống mức **"yếu"**.

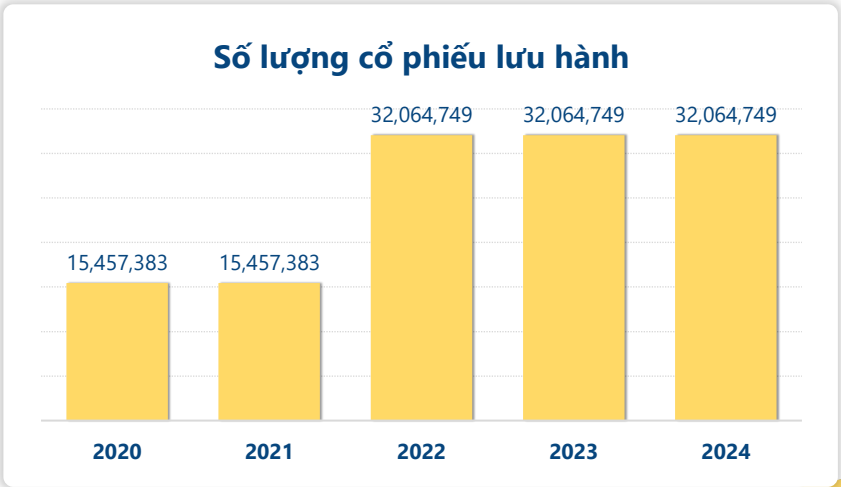
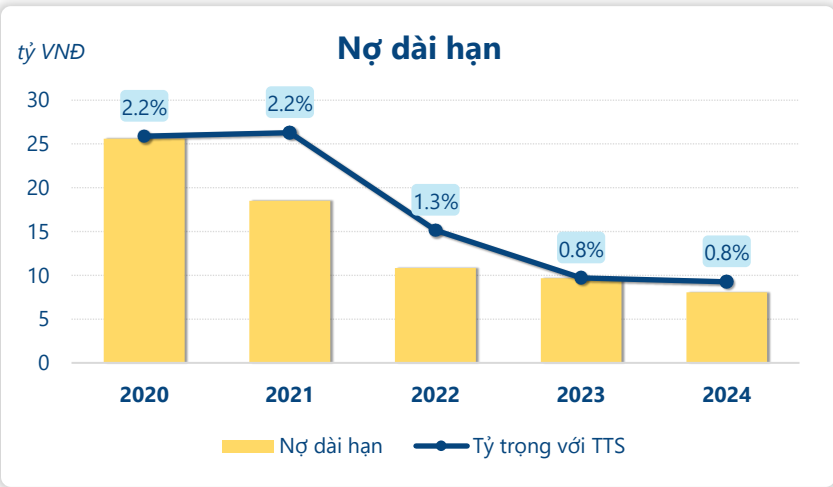
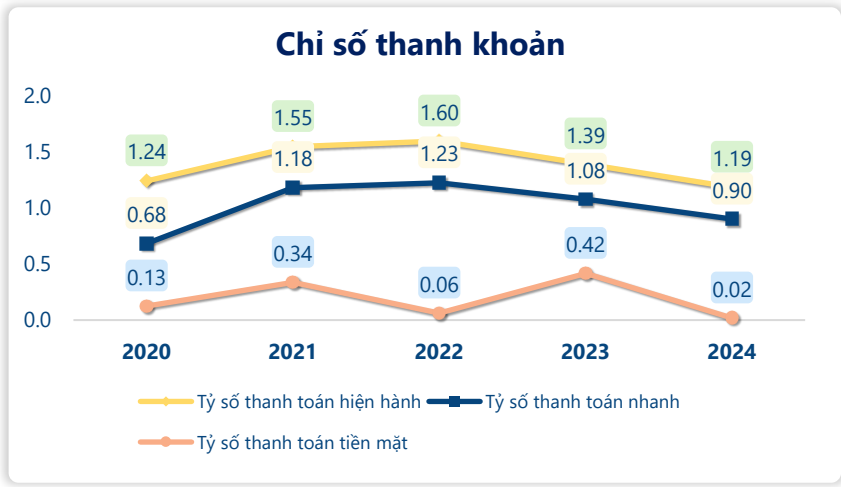
Trong đó, khả năng sinh lời **giảm** xuống còn **1/4** điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn **không thay đổi** vẫn ở mức **2/3** điểm. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, **không đạt** điểm nào cho thấy hiệu quả hoạt động của công ty chưa tốt.

F-Score ở mức yếu là một tín hiệu xấu cho thấy sự đáng lo ngại về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Phản ánh tình trạng không ổn định và rủi ro tài chính cao.

CTCP Tổng Công ty Công trình Đường sắt (UPCOM: RCC)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2024** của **RCC**: Lợi nhuận sau thuế dương là một tín hiệu tích cực, tuy nhiên dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm có thể cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc sinh lời từ hoạt động kinh doanh cốt lõi của mình. Công ty đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận từ mỗi đơn vị tài sản khi ROA giảm so với năm trước. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Sự suy giảm của tỷ số thanh toán hiện hành có thể gây lo ngại về khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, tuy nhiên cũng cần phân tích kỹ hơn để hiểu rõ nguyên nhân của sự suy giảm này. Không phát hành thêm cổ phiếu trong kỳ cho thấy sự ổn định trong quy mô vốn cổ phần, giúp duy trì tính hấp dẫn và niềm tin nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,033	1,197	-13.7%
Tài sản ngắn hạn	731	1,087	-32.8%
Tiền và tương đương tiền	11.6	325	-96.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	515	486	5.9%
Hàng tồn kho	177	246	-28.1%
Tài sản ngắn hạn khác	27.4	30.2	-9.5%
Tài sản dài hạn	302	110	174%
Phải thu dài hạn	2.38	2.14	11.0%
Tài sản cố định	72.1	84.4	-14.5%
Bất động sản đầu tư	2.99	3.09	-3.1%
Tài sản dở dang	0	1.20	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	217	6.76	3113%
Tài sản dài hạn khác	7.66	12.8	-39.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	624	789	-21.0%
Nợ ngắn hạn	615	780	-21.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	340	279	21.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	195	158	24.0%
Nợ dài hạn	8.35	9.67	-13.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.20	1.41	-14.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	409	408	0.4%
Vốn chủ sở hữu	409	408	0.4%
Vốn điều lệ	321	321	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	390	564	456	840	777
Giá vốn hàng bán	326	483	393	735	700
Lợi nhuận gộp	64.7	81.1	63.1	105	76.4
Doanh thu HĐTC	158	101	34.6	9.35	0.29
Chi phí TC	56.6	48.8	27.1	26.9	30.5
Chi phí lãi vay	55.1	26.5	18.6	25.6	26.8
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.67	2.88	1.46	2.59	1.21
Chi phí QLDN	76.4	58.0	46.7	46.5	34.1
LN thuần từ HĐKD	87.4	72.4	22.4	38.4	10.8
Lợi nhuận khác	-3.25	-3.02	3.13	0.31	-1.34
LN trước thuế	84.1	69.4	25.6	38.7	9.46
Lợi nhuận sau thuế	69.7	81.3	22.6	30.1	3.75
LNST của CĐ cty mẹ	74.7	71.8	23.8	27.4	1.31

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	94.2	-71.8	-203	278	-162
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-167	260	21.8	-0.67	-209
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	160	-135	54.2	18.4	58.0
Tiền đầu kỳ	16.0	103	156	29.2	325
Lưu chuyển tiền thuần	86.9	53.3	-127	296	-313
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	103	156	29.2	325	11.6